

CHIẾN LƯỢC ỨNG PHÓ CĂNG THẲNG CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG THỰC TẾ TỐT NGHIỆP TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19

Liêu Ngọc Liên¹, Huỳnh Công Hải¹, Huỳnh Thụy Phương Hồng¹

TÓM TẮT

Mục tiêu. Khảo sát chiến lược ứng phó với căng thẳng của sinh viên Cử nhân Điều dưỡng năm cuối Đại học Y Dược TP.HCM trong thời gian thực tế tốt nghiệp.

Phương pháp. Nghiên cứu cắt ngang mô tả, có phân tích thực hiện từ tháng 3/2021 đến 7/2021 trên 83 sinh viên điều dưỡng Đại học Y Dược TP.Hồ Chí Minh. Công cụ thu thập số liệu là bộ câu hỏi tự điền gồm: thang đo mức độ căng thẳng (PSS-10), thang đo các chiến lược ứng phó căng thẳng (RSQ).

Kết quả: Tỷ lệ phản hồi trong nghiên cứu này đạt 71,55% (83/116 sinh viên). Mức độ căng thẳng của sinh viên điều dưỡng thực tế tốt nghiệp trong đại dịch COVID-19 cao, phần lớn ở mức độ vừa trong giai đoạn 1 (81,9%) và giai đoạn 2 (91,6%). Không tìm thấy sự khác biệt về mức độ căng thẳng giữa 2 giai đoạn thực tế tốt nghiệp. Các chiến lược ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề hay cảm xúc được sinh viên áp dụng thường xuyên. Tuy nhiên, sinh viên có xu hướng đáp ứng với các chiến lược né tránh tiêu cực.

Kết luận. Mức độ căng thẳng của sinh viên điều dưỡng thực tế tốt nghiệp trong đại dịch COVID-19 cao, nhà trường cần đặc biệt quan tâm và hỗ trợ kịp thời. Bên cạnh đó, nhà trường cần linh hoạt trong việc áp dụng nhiều hình thức

thực tế tốt nghiệp và tổ chức các lớp dạy kỹ năng mềm cho sinh viên.

Từ khóa. Sinh viên điều dưỡng, thực tế tốt nghiệp, căng thẳng, COVID-19.

SUMMARY

COPING STRATEGIES OF NURSING STUDENTS OF THE UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY AT HO CHI MINH CITY DURING THE INTERNSHIP IN COVID-19 PANDEMIC

Objectives. To investigate coping strategies of nursing students of the University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City (UMP) during the internship period in COVID-19 pandemic

Methods. A cross-sectional survey was conducted from March 2021 to July 2021 on 83 final year nursing students of UMP. The self-report instruments including Stress measurement (PSS-10) and stress coping strategies (RSQ) were used.

Results. The responding rate was 71.55% (83/116 students). In the majority, stress levels of nursing students during the COVID-19 pandemic were moderate in phase 1 (81.9%) and stage 2 (91.6%). No difference in stress levels was found between the two periods. Coping strategies which focused on problem-solving or emotions were used frequently by students. However, students were likely to use negative avoidance strategies for coping.

Conclusion. The stress level of nursing students during the COVID-19 pandemic was high which suggested special attention and

¹Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Liêu Ngọc Liên

Email: lieulien@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 7.5.2022

Ngày phản biện khoa học: 7.6.2022

Ngày duyệt bài: 25.9.2022

supports. In addition, it was essential to apply various formats of practices and prepares soft skills for students during the Covid-19 pandemic.

Key words. Stress, coping strategies, nursing students, the Covid-19 pandemic

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Căng thẳng của sinh viên điều dưỡng luôn là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm đặc biệt là đối tượng sinh viên năm cuối đang đi thực tế tốt nghiệp. Các chiến lược ứng phó được xem như có liên quan mật thiết đến mức độ căng thẳng của sinh viên. Tình hình dịch bệnh ngày càng phức tạp đã gây ra nhiều gánh nặng và áp lực tâm lý cho toàn thể ngành nghề trên thế giới đặc biệt nhất là ngành y tế. Sinh viên khối ngành sức khỏe cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát khi phải chuyển đổi hình thức học tập trực tiếp sang học trực tuyến. Điều này càng khó khăn hơn khi sinh viên phải áp dụng hình thức học trực tuyến này vào thực hành lâm sàng, đặc biệt là ở sinh viên năm cuối phải trải qua khóa thực tế tốt nghiệp quan trọng trước khi trở thành một điều dưỡng viên. Trong học phần lâm sàng sự tham gia trao đổi, tương tác giữa các sinh viên, nhân viên y tế và giảng viên hướng dẫn là những yếu tố chính ảnh hưởng đến kết quả học tập; có đến 48,4% sinh viên cho rằng phương pháp học trực tuyến không hiệu quả khi áp dụng trong các môn thực hành lâm sàng⁽¹⁾. Đối với ngành học yêu cầu thực hành nhiều thì việc trải nghiệm và tương tác trực tiếp được xem là yếu tố trọng tâm, không thể thay thế bằng phương pháp học trực tuyến. Do đó, sinh viên luôn cảm thấy lo lắng, căng thẳng do khó hoàn thành tốt việc học và cũng

như rèn luyện kỹ năng lâm sàng trong phương pháp học trực tuyến.

Bên cạnh đó, những nghiên cứu trước khi dịch COVID-19 bùng phát cho thấy mức độ căng thẳng của sinh viên khối ngành sức khỏe đã là rất cao, tỷ lệ căng thẳng của sinh viên Đại học Y dược TP.HCM lên tới 71,4% và có tới 14% ở mức độ nặng⁽²⁾. Sinh viên điều dưỡng có mức độ căng thẳng cao hơn so với các ngành sức khỏe⁽³⁾ và đã có rất nhiều nghiên cứu về mức độ, các yếu tố liên quan và các chiến lược ứng phó căng thẳng mà sinh viên áp dụng^(4,5,6,7,8). Có thể dự đoán rằng sinh viên điều dưỡng đang gặp vấn đề về tâm lý nghiêm trọng trong đại dịch COVID-19 và cho dù sinh viên có nhiều cách giải quyết khác nhau nhưng điều đó cũng ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe thể chất và tinh thần.

Việc giới hạn các nghiên cứu trong nước xoay quanh chủ đề căng thẳng tâm lý của sinh viên điều dưỡng khi vừa phải học tập trong thời kỳ dịch COVID – 19 bùng phát vừa phải tham gia chống dịch càng thúc đẩy nghiên cứu khảo sát “Chiến lược ứng phó căng thẳng của sinh viên điều dưỡng thực tế tốt nghiệp trong đại dịch COVID-19” được thực hiện.

Mục tiêu nghiên cứu

- *Đánh giá mức độ căng thẳng của sinh viên Cử nhân Điều dưỡng năm cuối khi thực hành học phần thực tế tốt nghiệp trong đại dịch COVID-19.*

- *Xác định chiến lược ứng phó căng thẳng của sinh viên Cử nhân điều dưỡng năm cuối thực hành thực tế tốt nghiệp trong đại dịch COVID-19.*

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thời gian và địa điểm nghiên cứu: nghiên cứu được thực hiện từ 27/1/2021 đến 21/7/2021, tại Bộ môn Điều dưỡng, Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật Y học, Đại học Y Dược TP.HCM, địa chỉ 201 Nguyễn Chí Thanh, phường 12, quận 5, TP.HCM.

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang mô tả có phân tích.

Cỡ mẫu

Tiêu chí chọn vào

Sinh viên Cử nhân Điều dưỡng năm cuối tại Đại học Y Dược TP.HCM đang tham gia học phần thực tế tốt nghiệp.

Sinh viên đồng ý tham nghiên cứu, có khả năng truy cập Internet và email Đại học Y Dược TP.HCM trong thời gian nghiên cứu viên bắt đầu thông báo và thu thập dữ liệu.

Tiêu chí loại trừ

Sinh viên đang trong giai đoạn theo dõi và điều trị những bệnh lý liên quan đến tâm thần.

Công cụ thu thập số liệu

Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi bao gồm 10 câu hỏi về nhân khẩu và thông tin liên quan tình trạng học tập trong giai đoạn dịch, 30 câu về ứng phó thuộc bộ câu hỏi về phản ứng với căng thẳng (Responses to Stress Questionnaire, RSQ), thang đo về mức độ căng thẳng tri giác (Perceived Stress Scale, PSS-10).

Các biến số chính của nghiên cứu gồm ứng phó với căng thẳng và căng thẳng. Ứng phó với căng thẳng, biến định tính, được định nghĩa là những nỗ lực liên tục thay đổi nhận thức và hành vi của sinh viên nhằm đối phó với những yêu cầu từ môi trường, theo thang đo cách ứng phó của Responses to

Stress Questionnaire (1983) có các cách giải quyết cơ bản: giải quyết vấn đề, điều hòa cảm xúc, bộc lộ cảm xúc, chấp nhận, sao nhãng, thay đổi nhận thức, suy nghĩ tích cực, chối bỏ, né tránh và mong ước. Căng thẳng là quá trình thích nghi với mọi loại bệnh tật, là biến liên tục được tính theo thang đo PSS-10.

Phương pháp thu thập số liệu: bộ câu hỏi và bảng thông tin dành cho đối tượng nghiên cứu được gửi cho sinh viên điều dưỡng tự điền qua đường dẫn trực tuyến trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được email.

Xử lý số liệu: số liệu được nhập, làm sạch và phân tích qua phần mềm SPSS 20.0. Tần số, tỉ lệ phần trăm hoặc trung bình, độ lệch chuẩn được sử dụng để mô tả biến số đặc điểm đối tượng tham gia. Mức độ căng thẳng được tính bằng tỉ lệ phần trăm và Fisher exact test được sử dụng để phân tích mối liên quan với các biến số đặc điểm nền.

Y đức trong nghiên cứu: nghiên cứu được thông qua hội đồng đạo đức Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh với số quyết định 407/HĐĐĐ-ĐHYD kí ngày 03/06/2021

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu.

Tổng số phiếu phản hồi là 83 trên tổng số 116 đạt tỉ lệ 71,55%. Sinh viên điều dưỡng tham gia nghiên cứu nữ chiếm đa số (90,4%). Phần lớn sinh viên không theo tôn giáo chiếm 68,7% và hơn 50% số sinh viên ở nhà trọ. Về tình trạng kinh tế, sinh viên đa phần có tình trạng kinh tế trung bình tốt. Tất cả sinh viên tham gia nghiên cứu có học lực khá và giỏi trong đó học lực giỏi chiếm 75,9% (Bảng 1).

Bảng 1- Mô tả đặc điểm nhân khẩu học

Đặc điểm	Tần số(N)	Tỷ lệ (%)
Giới tính		
Nam	8	9,6
Nữ	75	90,4
Tôn giáo		
Phật giáo	15	18,1
Thiên Chúa giáo	9	10,8
Không	57	68,7
Khác	2	2,4
Nơi ở		
Ký túc xá	12	14,5
Ở cùng gia đình	24	28,9
Nhà trọ	44	53,0
Khác	3	3,6
Kinh tế		
Kém	8	9,6
Trung bình	65	78,3
Tốt	10	12,0
Làm thêm		
Có làm thêm	24	28,9
Không làm thêm	59	71,1
Kết quả học tập		
Khá	20	24,1
Giỏi	63	75,9
Hình thức thực tế tốt nghiệp đợt 1		
Học trực tuyến	83	100
Hình thức thực tế tốt nghiệp đợt 2		
Học trực tuyến	37	44,5
Tham gia chống dịch	46	55,5

Mức độ căng thẳng của sinh viên

Học phần thực tế tốt nghiệp trải qua 2 giai đoạn: 1) giai đoạn 1 diễn ra trong 4 tuần lễ với 100% sinh viên tham gia học trực tuyến; và 2) giai đoạn 2 với 55,5% sinh viên tham gia tình nguyện chống dịch thay thế học phần thực tế tốt nghiệp và 44,5% sinh viên vẫn học trực tuyến (Bảng 1).

Kết quả khảo sát giai đoạn một khi 100% sinh viên tham gia học trực tuyến có điểm

trung bình căng thẳng là 17,843 ($\pm 4,5705$). Tỷ lệ căng thẳng của sinh viên chủ yếu là trung bình, thấp hoặc không có lần lượt là 81,9% và 14,5%.

Kết quả khảo sát giai đoạn hai cho thấy điểm căng thẳng trung bình là 17,843 ($\pm 3,5424$). Ở lần 2 sinh viên vẫn tập trung ở nhóm căng thẳng trung bình, thấp hoặc không khi chiếm đến 98,8%. Tỷ lệ sinh viên bị căng thẳng nặng giảm còn 1,2% (Bảng 2).

Bảng 2- Mức độ căng thẳng của sinh viên điều dưỡng (N=83)

Đặc tính	Trung bình (độ lệch chuẩn)		Giá trị nhỏ nhất – giá trị lớn nhất	
	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2
Căng thẳng	17,843 ($\pm 4,5705$)	17,843 ($\pm 3,424$)	4 - 34	9 - 27
Mức độ căng thẳng	Tần số		Tỷ lệ %	
Thấp hoặc không	12	6	Thấp hoặc không	12
Trung bình	68	76	Trung bình	68
Cao	3	1	Cao	3

Các chiến lược ứng phó của sinh viên

Trong giai đoạn 1 của học phần thực tế tốt nghiệp, những chiến lược ứng phó được sinh viên lựa chọn nhiều nhất theo thứ tự là Giải quyết vấn đề (ĐTB = 4,91), chấp nhận (ĐTB = 4,97), suy nghĩ tích cực (ĐTB = 4,94;), bộc lộ cảm xúc (ĐTB = 4,86) và sao nhãng (ĐTB = 4,65). Chối bỏ (ĐTB = 2,12) và mong ước (ĐTB = 3,82) là các chiến lược ít được sinh viên lựa chọn nhất. Ở giai đoạn 2, Chấp nhận (ĐTB = 5,87), bộc lộ cảm xúc (ĐTB = 5,4), giải quyết vấn đề (ĐTB = 5,27), điều hòa cảm xúc (ĐTB = 5,17), suy nghĩ tích cực (ĐTB = 5,07) và thay đổi nhận thức (ĐTB = 5,05) là những chiến lược ứng phó được sinh viên sử dụng thường xuyên nhất. Ngoài ra,

chối bỏ (ĐTB = 2,61) cũng là chiến lược ứng phó ít được sử dụng nhất trong giai đoạn này.

Bảng 3 cho thấy có tương quan thuận có ý nghĩa thống kê ở mức độ yếu với các chiến lược chối bỏ ($r=0,278$, $p<0,05$) và mong ước ($r=0,224$, $p<0,05$). Ngược lại, mức độ căng thẳng có tương quan nghịch có ý nghĩa thống kê yếu với các chiến lược giải quyết vấn đề ($r=0,288$, $p<0,05$) và suy nghĩ tích cực ($r=0,217$, $p<0,05$). Chiến lược bộc lộ cảm xúc có mối tương quan nghịch có ý nghĩa thống kê trung bình với mức độ căng thẳng.

Giai đoạn hai: Không tìm thấy mối tương quan có ý nghĩa thống kê nào giữa các chiến lược ứng phó căng thẳng với mức độ căng thẳng của sinh viên trong giai đoạn tham gia chống dịch này.

Bảng 3- Tương quan giữa các chiến lược ứng phó với mức độ căng thẳng trong khảo sát lần 1

	GQVĐ	ĐHCX	BLCX	CN	SN	TĐNT	SNTC	CB	NT	MU
S1	-,228*	-,169	-,313**	-,107	-,135	-,073	-,217*	,278*	-,123	,224*
S2	,027	,080	,033	-,077	,053	-,015	-,144	0,96	,143	,147

Ghi chú: N = 83, GQVĐ = giải quyết vấn đề, ĐHCX = điều hòa cảm xúc, BLCX = bộc lộ cảm xúc, CN = chấp nhận, SN = sao nhãng, TĐNT = thay đổi nhận thức, SNTC = suy nghĩ tích cực, CB = chối bỏ, NT = né tránh, MU = mong ước, S1 = mức độ căng thẳng lần khảo sát 1.

* $p < ,05$, ** $p < ,01$.

IV. BÀN LUẬN

Mức độ căng thẳng giữa 2 nhóm sinh viên có và không có tham gia chống dịch tại thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ căng thẳng của sinh viên điều dưỡng Đại học Y Dược TP.HCM là 81,9% trong giai đoạn một khi học trực tuyến và 91,6% trong giai đoạn 2 với hai hình thức học trực tuyến và tham gia chống dịch. Tỷ lệ này tương đồng với nghiên cứu của Sheroun (2020) khi có 82,7% trung bình và nặng là 13,3%⁽⁹⁾. Tỷ lệ này cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thái Sang (45,5%), nghiên cứu của Lê Thu Huyền (24,2%), nghiên cứu tại Jordan (70%) và Iraq (51%)^(10,11,12,13). Sự chênh lệch này có thể lý giải thích do sự khác biệt chuyên ngành học tập của các sinh viên tham gia nghiên cứu. Aysola (2018) báo cáo rằng các sinh viên điều dưỡng có mức độ căng thẳng cao hơn so với sinh viên các ngành khác⁽³⁾.

Tuy nhiên, khi so với các nghiên cứu trên cùng đối tượng là sinh viên điều dưỡng thì kết quả này vẫn cao hơn cụ thể là nghiên cứu của Vũ Dũng (22,77%), nghiên cứu tại Tây Ban Nha (47,92%)^(14,15). Sự khác nhau về năm học có thể dẫn đến sự khác biệt này khi nhóm các sinh viên năm cuối có tỷ lệ căng thẳng cao hơn so với những năm đầu⁽¹⁵⁾. Nghiên cứu của Onieva-Zafra (2020) báo cáo những sinh viên năm cuối có trải nghiệm mức độ căng thẳng cao hơn^(15,16). Điều này có thể do sinh viên cảm thấy áp lực từ sự kỳ vọng của thầy cô, gia đình và nhân viên y tế vì họ có nhiều kinh nghiệm hơn, kiến thức vững chắc hơn và họ phải chuẩn bị kế hoạch sau tốt nghiệp⁽¹⁷⁾.

Khi tham gia chống dịch, các sinh viên lo lắng khi phải tiếp xúc với nhiều yếu tố nguy cơ lây nhiễm cho bản thân, gia đình, bạn cùng phòng và mọi người xung quanh. Thiếu

trang thiết bị bảo hộ có thể làm tăng nguy cơ lây nhiễm. Một số nhà trọ đã gây khó khăn với các sinh viên tham gia chống dịch tiếp tục. Áp lực công việc khi tham gia chống dịch dẫn đến sự mệt mỏi về thể lực. Nghiên cứu García-Rada (2020) cho thấy sự thiếu thốn về nhân lực và thiết bị y tế đã dẫn đến những mâu thuẫn về ý đức của sinh viên trong đại dịch⁽¹⁸⁾. Tại Ý, nghiên cứu của Reverté-Villarroya (2021) báo cáo rằng sinh viên điều dưỡng năm cuối trong đại dịch COVID-19 nhận thấy mức độ căng thẳng và lo lắng cao hơn gấp hai lần so với những sinh viên điều dưỡng năm cuối trước đó chưa trải qua dịch bệnh⁽¹⁹⁾.

Các chiến lược ứng phó căng thẳng

Trong nghiên cứu này các chiến lược ứng phó với căng thẳng được sinh viên áp dụng thường xuyên nhất là giải quyết vấn đề, bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ tích cực, thay đổi nhận thức và chấp nhận, trong đó chấp nhận là chiến lược ứng phó được áp dụng nhiều nhất. Kết quả này tương đồng với một số nghiên cứu trước đây cho thấy sinh viên thường ứng phó theo hướng tập trung vào vấn đề^(20,21,22). Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối tương quan có ý nghĩa thống kê giữa mức độ căng thẳng với các chiến lược ứng phó căng thẳng của sinh viên trong giai đoạn một khi sinh viên chỉ học trực tuyến. Cụ thể là giải quyết vấn đề, bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ tích cực có tương quan nghịch với ĐTB căng thẳng, có nghĩa là các chiến lược giải quyết vấn đề, bộc lộ cảm xúc và suy nghĩ tích cực có hiệu quả trong việc giảm căng thẳng cho sinh viên, tương tự với kết quả nghiên cứu của Crego (2016) và Dunkley (2000)^(23,24). Bên cạnh đó, Ben-Zur (2012) cũng đã lập luận trong nghiên cứu rằng việc ứng phó tập trung vào vấn đề như giải quyết vấn đề, bộc lộ cảm xúc là cách tốt nhất để ứng phó với căng

thắng trong học tập⁽²⁰⁾. Mặt khác, chối bỏ và mong ước có mối tương quan thuận có ý nghĩa thống kê với ĐTB căng thẳng, tương tự với các nghiên cứu của Onieva-Zafra (2020), Madian A (2020)^(15,25). Có thể sinh viên áp dụng chiến lược chối bỏ quá nhiều dẫn đến vấn đề này càng nghiêm trọng hơn và mức độ căng thẳng cũng tăng cao.

Có sự khác nhau về kết quả mối tương quan giữa chiến lược ứng phó với mức độ căng thẳng ở hai giai đoạn khảo sát. Ở giai đoạn hai, kết quả phép kiểm tương quan giữa điểm trung bình căng thẳng với chiến lược ứng phó không có ý nghĩa thống kê. Tuy điểm trung bình căng thẳng của sinh viên trong hai giai đoạn là tương tự nhưng giai đoạn hai lại không tìm thấy được mối tương quan nào. Điều này có thể là do bối cảnh đại dịch COVID-19 hay việc tham gia chống dịch đã ảnh hưởng đến mối tương quan này. Do giới hạn về thời gian cũng như trong phạm vi mục tiêu nên nghiên cứu không thể tìm hiểu sâu hơn về tác động của các yếu tố này.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này cung cấp thông tin mức độ căng thẳng của sinh viên điều dưỡng thực tế tốt nghiệp trong đại dịch COVID-19 và chiến lược ứng phó căng thẳng đóng vai trò quan trọng trong giáo dục và đào tạo. Các nhà giáo dục và giảng viên cần ghi nhận và có hỗ trợ kịp thời của trong suốt quá trình thực tế tốt nghiệp; linh hoạt trong việc áp dụng nhiều hình thức dạy và học, điều chỉnh chương trình học sao cho phù hợp để tránh tình trạng quá tải về bài tập và thi cử cũng như cần bổ sung các nội dung quản lý cảm xúc và phát triển các chiến lược ứng phó với tình huống khắc nghiệt, đột ngột vào chương trình học. Nghiên cứu này tạo tiền đề cho

những phân tích chuyên sâu hơn về ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau đến việc áp dụng các chiến lược ứng phó căng thẳng của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Lữ Thị Mai Anh, Nguyễn Thị Thúy (2020)**, “Đánh giá hiệu quả học tập trực tuyến của sinh viên trong bối cảnh dịch bệnh covid 19”, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, tập 37(1), tr.92-100.
2. **Trần Kim Trang (2011)**, " Stress, lo âu và trầm cảm ở sinh viên y khoa", Y học TP. Hồ Chí Minh, 16(1), tr. 356-362.
3. **Aysola J, Barg FK, Martinez AB, et al (2018)**, “Perceptions of factors associated with inclusive work and learning environments in health care organizations: a qualitative narrative analysis”, JAMA Network Open, 1(4) :e181003.
4. **Trần Thái Phúc, Tăng Thị Hảo, Nguyễn Thị Nga, My Thị Hải (2020)**, "Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến căng thẳng cảm xúc của nữ sinh viên điều dưỡng chính quy tại trường đại học Y Dược Thái Bình năm 2020", Khoa học điều dưỡng, tập 3, số 5, tr 226- 234.
5. **Anthony M, Yastik J (2011)**, “Nursing students' experiences with incivility in clinical education”, Journal of Nursing Education, 50(3), pp.140–144.
6. **Elcigil A, Sarı HY (2007)**, “Determining problems experienced by student nurses in their work with clinical educators in Turkey”, Nurse Education Today, 27(5), pp.491–498.
7. **Labrague LJ, McEnroe-Petitte DM, Gloe D, Thomas L (2017)**, “Papathanasiou IV, Tsaras K. A literature review on stress and coping strategies in nursing students”, J Ment Health, 26, pp.471–480.
8. **Liljedahl M, Boman LE, Fält CP, Laksov KB (2015)**, “What students really learn: Contrasting medical and nursing students' experiences of the clinical learning environment”, Advances in Health Sciences Education, 20(3), pp.765–779.

9. **Sheroun D, Wankhar D, Devrani A, Lissamma P.V & Chatterjee K (2020)**, “A study to assess the perceived stress and coping strategies among b.sc. nursing students of selected colleges in Pune during COVID-19 pandemic lockdown”. *Int. J. Sci. Healthc*, 5, pp.280–288.
10. **Lê Thu Huyền, Huỳnh Hồ Ngọc Quỳnh (2011)**, “Tình trạng stress của sinh viên y tế công cộng Đại học Y Dược TP.HCM và các yếu tố liên quan năm 2010”, *Y học TpHCM*, 15 (1), tr.87-92.
11. **Nguyễn Thái Sang, Huỳnh Hồ Ngọc Quỳnh (2020)** “Ti lệ stress và chiến lược ứng phó của sinh viên y học dự phòng Đại học Y Dược TP.HCM 2020”, *Y học TpHCM*, 24 (1), tr.87-92.
12. **Abu-Ghazaleh SB, Rajab LD, Sonbol HN (2011)**, “Psychological stress among dental students at the University of Jordan”, *J Dent Educ*, 75(8), pp.1107-14. PMID: 21828305.
13. **Al-Nimer MS (2012)**, ”Measuring mental health following the 6-year American invasion of Iraq. A general health questionnaire analysis of Iraqi medical and dentistry students”, *Neurosciences (Riyadh)*, 15(1), pp.27-32. PMID: 20677588.
14. **Vũ Dũng (2015)**, *Thực trạng stress của sinh viên điều dưỡng Đại học Thăng Long năm 2015 và một số yếu tố liên quan*, Luận văn thạc sĩ Y tế công cộng, Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội năm 2016, tr.62-73.
15. **Onieva-Zafra MD, Fernández-Muñoz JJ, Fernández-Martínez E, García-Sánchez FJ, Abreu-Sánchez A & Parra-Fernández ML (2020)**, “Anxiety, perceived stress and coping strategies in nursing students: a cross-sectional, correlational, descriptive study”. *BMC medical education*, 20(1), pp.370.
16. **Watson R, Deary I, Thompson D & Li G (2008)**, “A study of stress and burnout in nursing students in Hong Kong: a questionnaire survey”, *Int J Nurs Stud*, 45, pp.1534–1542.
17. **Beiter R, Nash R, McCrady M, Rhoades D, Linscomb M, Clarahan M, Sammut S (2015)**, “The prevalence and correlates of depression, anxiety, and stress in a sample of college students”, *J Affect Disord*, 173, pp.90-6.
18. **García-Rada A (2020)**, “COVID-19: The precarious position of Spain’s nursing homes”, *The British Medical Journal*, 369, pp.1554.
19. **Reverté-Villarroya S, Ortega L, Lavedán A, Masot O, Burjalés-Martí MD, Ballester-Ferrando D, Fuentes-Pumarola C, Botigué T (2021)**, “The influence of COVID-19 on the mental health of final-year nursing students: comparing the situation before and during the pandemic”, *Int J Ment Health Nurs*, 30(3), pp.694-702. doi: 10.1111/inm.12827. PMID: 33393201.
20. **Ben-Zur H (2012)**, “Loneliness, optimism, and well-being among married, divorced, and widowed individuals”, *The Journal of Psychology*, 146(1–2), 23–36.
21. **Sheu S, Lin HS, Hwang SL (2002)**, “Perceived stress and physio-psycho-social status of nursing students during their initial period of clinical practice: The effect of coping behaviors”, *Int J Nurs Stud*, 39, pp.165–75.
22. **Zhao FF, Lei XL, He W, Gu YH, Li DW (2015)**, “The study of perceived stress, coping strategy and self-efficacy of Chinese undergraduate nursing students in clinical practice”, *Int J Nurs Pract*, 21, pp.401–9.
23. **Crego A, Carrillo-Diaz M, Armfield JM, Romero M. (2016)**, “Stress and academic performance in dental students: the role of coping strategies and examination-related self-efficacy”, *Journal of Dental Education*, 80(2), 165–172.
24. **Dunkley, Blankstein, Halsall, Williams M, Winkworth G (2000)**. “The relation between perfectionism and distress: Hassles, coping, and perceived social support as mediators and moderators”. *Journal of Counseling Psychology*, 47(4), 437–453.
25. **Madian A, Abdelaziz M, Ahmed H (2020)**, “Level of stress and coping strategies among nursing students at Damanhour University, Egypt”, *Am J Nurs Res*, 7(5), pp.684–96.